**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**

**Tình hình hoạt động của Trạm y tế cấp xã vàviệc thực hiện các chế độ, chính sách đối với cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn bản tại các trạm y tế trên địa bàn tỉnh**

*(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-HĐND ngày tháng 8 năm 2023*

*của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh)*

***(Dùng cho Sở Y tế báo cáo)***

**I. Đặc điểm tình hình**

1. Đánh giá chung về hệ thông mạng lưới Trạm y tế xã, phường, thị trấn (gọi chung là xã).

2. Tổng số trạm y tế xã trên địa bàn tỉnh; số xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã; chiếm tỷ lệ % tổng số xã trên địa bàn tỉnh; đạt bao nhiêu % so với kế hoạch thực hiện bộ tiêu chí đã đề ra tỉnh.

**II. Kết quả thực hiện**

***1. Công tác chỉ đạo***

1.1. Công tác tham mưu ban hành các văn bản chỉ đạo xây dựng hệ thống y tế cơ sở; xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế.

1.2. Công tác chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, sở ngành chuyên môn trong việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trang thiết bị y tế và nhân lực phục vụ công tác khám, chữa bệnh tại các trạm y tế cấp xã trên địa bàn tỉnh.

1.3. Công tác triển khai, phổ biến, tuyên truyền; Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong hoạt động của các trạm y tế.

1.4. Việc huy động nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước và các nguồn hỗ trợ khác cho công tác này.

***2. Việc thực hiện các hoạt động chuyên môn, kỹ thuật tại các trạm y tế***

- (Về Y tế dự phòng, tiêm chủng vắc xin; khám chữa bệnh, ứng dụng y học cổ truyền trong phòng bệnh và chữa bệnh; chăm sóc sức khỏe sinh sản; cung ứng thuốc thiết yếu; quản lý sức khỏe cộng đồng; truyền thông giáo dục sức khỏe. Đánh giá về công tác khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe nhân dân tại các Trạm y tế).

- Việc triển khai sổ khám bệnh sức khỏe điện tử; tỷ lệ người dân có sổ khám bệnh sức khỏe điện tử.

***3. Về cơ sở vật chất của các trạm y tế***

- Thực trạng số xã đã được đầu tư xây dựng; chưa được đầu tư xây dựng; được đầu tư xây dựng nhưng đã xuống cấp cần duy tu, bảo dưỡng, xây lại mới; cơ sở vật chất hiện có so với quy định...

- Việc khai thác, sử dụng cơ sở vật chất hiện có tại các trạm y tế cấp xã

- Trách nhiệm quản lý, bảo vệ, sử dụng cơ sở vật chất của các trạm y tế sau khi được đầu tư.

***4. Về trang thiết bị của các trạm y tế***

- Số lượng trang thiết bị theo danh mục quy định của Bộ Y tế; trang thiết bị được cấp có đảm bảo đồng bộ và phù hợp với điều kiện sử dụng cho cấp y tế cơ sở.

- Số trang thiết bị đã sử dụng, chưa sử dụng (nếu có) trang thiết bị cần sử dụng chưa được cấp.

- Số trang thiết bị đã hỏng cần đầu tư, mua sắm mới.

- Trách nhiệm công tác quản lý, quản trị sử dụng trang thiết bị trong công tác khám, chữa bệnh.

***5. Về nguồn nhân lực***

- Số trạm y tế được bố trí bác sỹ, chưa được bố trí bác sỹ.

- Thực trạng nguồn nhân lực, so với quy định về số lượng, chuyên môn nghiệp vụ đối với nhân sự các trạm y tế hiện nay.

- Công tác đào tạo nguồn lực (bác sỹ) cho các trạm y tế xã; công tác tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho nhân viên y tế tại các trạm y tế và nhân viên y tế thôn bản; việc thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao về công tác tại các trạm y tế xã,…

- Công tác khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân tại trạm y tế của các xã, phường trên địa bàn toàn tỉnh theo các tiêu chí và chương trình mục tiêu quốc gia về y tế.

- Công tác chỉ đạo triển khai Đề án 1816 "Cử cán bộ chuyên môn luân phiên từ bệnh viện tuyến trên về hỗ trợ các bệnh viện tuyến dưới nhằm nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh" của Bộ Y tế.

***6. Tình hình khám chữa bệnh BHYT; việc phân bổ và khám, chữa bệnh, quyết toán hợp đồng BHYT.***

***7. Về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế xã:***

- Công tác đánh giá, xét công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế.

 - Công tác xây dựng chuẩn quốc gia về y tế tại các xã, phường, thị trấn sáp nhập, trong đó tập trung làm rõ những thuận lợi, khó khăn trong triển khai thực hiện.

 - Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế (tính đến thời điểm báo cáo).

- Đánh giá chung về công tác xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế; góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân tại trạm y tế xã, phường, thị trấn.

***8. Việc thực hiện các chế độ, chính sách đối với cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn bản tại các trạm y tế trên địa bàn tỉnh***

8.1. Khái quát chung về tình hình cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn bản.

8.2. Số lượng cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn bản đang làm việc, đã nghỉ, nguyên nhân; số thôn bản có cộng tác viên dân số, nhân viên y tế hoạt động, không hoạt động.

8.3. Việc hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ đối với đội ngũ cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn, bản.

8.4. Hoạt động của cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn, bản tại các trạm y tế.

8.5. Việc thực hiện các chế độ chính sách có liên quan đối với cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn bản.

8.6. Việc thực hiện Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức chi bồi dưỡng hàng tháng cho cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh Quảng Bình (nêu rõ và đánh giá những nội dung đã triển khai thực hiện, kết quả thực hiện (có số liệu cụ thể); những nội dung đang triển khai; những vướng mắc, khó khăn trong triển khai thực hiện).

8.7. Những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện hoạt động chuyên môn và thực hiện các chế độ có liên quan đối với cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn bản.

**III. Đánh giá chung**

1. Kết quả đạt được

2. Những tồn tại, hạn chế

3. Nguyên nhân của những tồn, hạn chế.

**IV. Kiến nghị và đề xuất**

1. Với Trung ương

2. Với tỉnh.

3. Với các ngành và địa phương.

*(Lưu ý: Đề cương mang tính gợi ý, đề nghị các đơn vị trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động báo cáo đầy đủ, chi tiết các nội dung liên quan đến cuộc khảo sát)*